

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	PVD2+TD3+RP2	7:25	15+1+6	0+0+0		12+0+5	0+0+0	trans 4 pax td3 rp2
2	410	PVD1+BK5+P7	7:25	22+0+0	0+0+0		16+3+3	0+0+0	
3	426	PVD1+JS2-PVD2	9:25	12+10+0	0+0+0		10+3+4	0+0+0	TRAN 1 PAX JS2-PVD2

TTBDSX

Ghi Chú : 1/7 người XNKHI - đi PPD QUA PVD2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2017	TO: PVD2 - TD3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hoi - MTHAO - Luy - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN THANG	PVD2	40	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	TRUONG THANH TUAN	PVD2	51	1	10		50	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NGOC QUAN	PVD2	37-38	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
4	LE TIEN DUONG	PVD2	33-34	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET THUC	PVD2	36	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE VINH	PVD2	35	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUU DUNG	PVD2	49-50	2	11		60	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG XUAN CANH	PVD2	43	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
10	QUACH TRUONG THINH	PVD2	47-48	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
11	DINH TOAN KHOA	PVD2	44-46	3	15		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHU QUOC	PVD2	42	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
13	MAI HAI LONG	PVD2	39	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
14	DZUCK	PVD2	54	1	15		90	KHOAN	Russian
15	TRAN QUOC DAI	PVD2	52-53	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	TD3				15	70	KHOAN	Vietnamese
17	VU NGOC TU	RP2	29	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN QUY	RP2	32	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH SANG	RP2	30-31	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA CUONG	RP2	33-34	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH CUONG	RP2	27	1	12		98	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐỨC HÀ	RP2	28	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	22	151	1.054	0	12		
2	TD3	1	0	0	70	15	0 + 4		CHUYEN 04 PAX TU TD3 SANG RP2
3	RP2	6	8	73	453	0	5		
TOTAL		22	30	224	1.577	15	17		
WEIGHT KG				224	1.577	15			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Sep-17	TO: PVD1 - BK5 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - VTHU - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD1	63	1	7	40	66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC SON	PVD1	73	1	13		62	KHOAN	Vietnamese
3	JAMIE TREGLOWN	PVD1	48	1	11		91	KHOAN	Australian
4	DO VAN DAT	PVD1	56	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN NHANH	PVD1	54	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KIEN	PVD1	62	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THUONG	PVD1	58	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
8	DUONG BAO NGOC	PVD1	53	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
9	BUI SI KHOA	PVD1	61	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN NGOC DINH	PVD1	59	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG LINH	PVD1	72	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN GIANG	PVD1	57	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN LONG	PVD1	52	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN ANH	PVD1	50	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BINH DAN	PVD1	47	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	49	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
17	LE NGUYEN VU	PVD1	55	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
18	DO THANH HOAT	PVD1	60	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
19	LE DINH BONG	PVD1	64	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DUC VIET	PVD1	51	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM HOAI THANH	PVD1	65	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC DAO	PVD1	66	1	5	42	60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	22	124	1.495	82	15		
2	BK5	0	0	0	0	0	4		
3	P7	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		22	22	124	1.495	102	22		
WEIGHT KG				124	1.495	102			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Sep-17	TO: PVD1 - JS2 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hoi - MTHAO - Luy - HUY	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG TAI	PVD1	82	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN SY ANH	PVD1	87	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG SON	PVD1	88-89	2	14		49	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN PHONG	PVD1	79	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HIEP	PVD1	78	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC DANG	PVD1	74	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DOANH	PVD1	83	1	4	30	65	KHOAN	Vietnamese
8	KIEU TUAN ANH	PVD1	75-76	2	12		88	KHOAN	Vietnamese
9	DANG QUOC DAT	PVD1	77	1	12	10	75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC BAO	PVD1	80	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUY BANG	PVD1	81	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH HUU CAN	PVD2	64	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
13	LAI ANH TUAN	PVD2	65	1	12		104	KHOAN	Vietnamese
14	DUONG KHANH HOANG	PVD2	59-60	2	20		83	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM LINH TUNG	PVD2	63	1	6		77	KHI	Vietnamese
16	CAO THANH BINH	PVD2	66	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	LE VAN GIANG	PVD2	62	1	9	55	73	KHI	Vietnamese
18	PHAM QUYET TIEN	PVD2	61	1	12		65	KHI	Vietnamese
19	PHAN VAN SY	PVD2	58	1	6		75	KHI	Vietnamese
20	LE HONG CUONG	PVD2	56-57	2	8		77	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN QUYET THANG	PVD2	55	1	6		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	11	13	104	771	30+10	8		
2	JS2	0	0	0	0	16	3+1		CHUYEN 1 PAX JS2 SANG PVD2
3	PVD2	10	12	101	755	55	1		
TOTAL		21	25	205	1.526	101	12		
WEIGHT KG				205	1.526	101			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

+ 10

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+GTCl+AMD	7:25	13+0+9	0+0+0		7+1+14	0+0+0	CHUYEN 5 PAX TU P10-GTCl
2		TTCl+P8+P9	7:25	5+12+5	0+0+0		2+11+9	0+0+0	
3		CNV+P6+AMD	7:25	1+14+7	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
4		VSP01+TD5	7:25	21+1	0+0		15+7	0+0	
5		P2+P1+DD8	9:25	16+0+6	0+0+0		8+4+9	0+0+0	
6		P8+CTK3+DD8	9:25	15+1+6	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
7		P8+TD1+TTCl3	9:25	11+6+5	0+0+0		10+6+6	0+0+0	
8		P6	11:25	22	0		22	0	
9		AMD+TTCl	11:25	18+4	0+0		14+8	0+0	
10		VSP01+GTCl	11:25	22+0	0+0		17+5	0+0	

TPBDSX

Ghi Chú : 1/TTK 4010 СТАИЯ ПЕРЕЛЕТ ТУ/А И ОБРАТНО В ДЕНЬ : МСП6: 3 ЧЕЛ. В/3- 1: 4 ЧЕЛ. GTCl-5 ЧЕЛ. 1/ATC4 ĐI VỀ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: P10 - GTC1 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - Năm - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH BẠCH	P10	92	1	6	50	58	PSV	Vietnamese
2	LUU ANH TỬ	P10	93-94	2	7		64	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	P10	96	1	6		78	D-HANH	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P10	45	1	10	18	75	D-HANH	Vietnamese
5	KYREEV	P10	95	1	6		89	D-HANH	Russian
6	NGUYỄN TIẾN DUNG	P10	97	1	5		61	D-HANH	Vietnamese
7	PHẠM HUYNH VŨ	P10	91	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH THĂNG	P10	90	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN QUANG	P10					75	PSV	Vietnamese
10	BUI VĂN NGUYEN	P10	87	1	5		67	PSV	Vietnamese
11	ĐO DAI DUONG	P10	89	1	6		60	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CÁN	P10	88	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	P10					72	PSV	Vietnamese
14	NICU SERBANESCU	AMD	72	1	10		85	KH-THAC	Romania
15	NGUYỄN THANH TRUNG	AMD	70	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	AMD	71	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	AMD	77	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH HÙNG	AMD	78-79	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	69	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	74	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LUU HONG NGHIA	AMD	75-76	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	12	72	902	68	7	5	CHUYEN 5 PAX TU P10 SANG GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	40	1		
3	AMD	9	11	90	634	0	14		
TOTAL		22	23	162	1.536	108	22		
WEIGHT KG				162	1.536	108			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Sep-17	TO: TTC1 - P8 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Nam - Luy - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TÀN	TTC1	89	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VIÊN	TTC1	92	1	2	45	70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LAM	TTC1					89	D-HANH	Vietnamese
4	ĐỖ DUY ĐỒNG	TTC1	90	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐOÀ	TTC1	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LAZAREV A.B	P8	56	1	10		76	KH-THAC	Russian
7	SAMOILOV V.A	P8	55	1	10		75	KH-THAC	Russian
8	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHUNG QUỐC DUNG	P8	54	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	51	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG VĂN QUYẾT	P8	58-59	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	P8	62	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO ĐĂNG VIÊN	P8	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	OVCHARENKO A.	P8	60	1	7		88	KH-THAC	Rus e
15	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	52	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH ĐẶC TÂM	P8	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC THỌ	P8	57	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN KIM	P9	30	1	3		64	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG BIÊN	P9	29	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN VIỆT	P9	26	1	2	55	88	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P9	28	1	7		70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM THÈ THUẬN	P9	27	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	4	16	364	45	2		
2	P8	12	12	69	854	0	11		
3	P9	5	5	20	355	55	9		
TOTAL		22	21	105	1.573	100	22		
WEIGHT KG				105	1.573	100			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: CNV - P6 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vậ - HUNG - DKHÁNH	ETA: 09:20
Vang - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYED SALLEH BIN SYED SALIM AHA	CNV	37-39	3	20		75	WOGC	Singapore
2	TRAN DUONG	CNV	40-41	2	20		62	CO KHI	Vietnamese
3	ĐINH QUANG TRUNG	P6	41	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM MINH TOAN	P6	39	1	6	40	59	YTE	Vietnamese
5	GABITOV	P6					86	D-HANH	Russian
6	BAEV	P6	55	1	8		85	D-HANH	Russian
7	HUYNH XUAN TRUONG	P6	42	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
8	LARIN	P6	43	1	3		75	D-HANH	Russian
9	TRẦN HỮU BAO	P6	35	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN MINH	P6	36	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAI	P6	40	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	VU ĐỨC HỒE	P6	32	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU ĐINH SY	P6	44-45	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHU	P6	38	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	TIKHONOV A.N	P6	37	1	6		92	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	52	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN HUONG	AMD	57-58	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC QUÂN	AMD	55	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH NGŨ	AMD	54	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOAN VAN DUNG	AMD	59	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	56	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC THU	AMD	53	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	5	40	137	0	0		
2	P6	13	13	79	944	40	10		
3	AMD	7	8	61	498	20	12		
TOTAL		22	26	180	1.579	60	22		
WEIGHT KG				180	1.579	60			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Sep-17	TO: P2 - P1 - DD8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - Năm - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐIỀU KIỀU HẠNH	P2	76	1	4		75	PSV	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P2	70	1	4		65	PSV	Vietnamese
3	PHẠM TUAN VIET	P2	82-83	2	12		90	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VAN HUNG	P2	84	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	DOAN MINH QUANG	P2	85-86	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG KHANH	P2	80	1	9	35	80	KH-THAC	Vietnamese
7	RACHAN BOONRUENGSAK	P2	87-88	2	17		75	KHI	Thailand
8	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P2	89	1	10		70	KHI	Vietnamese
9	NGO VAN KHÔI	P2	90-91	2	12		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH KIẾN	P2	74-75	2	15		67	KHI	Vietnamese
11	BUI LONG HUNG	P2	72-73	2	7		65	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	79	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	HOANG QUỐC LONG	P2	77	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	PHAN THANH NAM	P2	78	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	HOANG HUU THU	P2	81	1	10		72	PSV	Vietnamese
16	MAI VAN TOAN	P2	71	1	7		65	PSV	Vietnamese
17	HOANG THE TAI	DD8	08	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	EDWARD CUFFE	DD8	01	1	5		115	KHOAN	British
19	STEPHEN TAY	DD8	04-05	2	17	5	76	KHOAN	Malaysian
20	AJAZ AHMED ALI	DD8	02	1	10		75	KHOAN	Indian
21	DINH TUNG LAM-TT	DD8	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	VU THE DUNG	DD8	03	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	22	144	1.144	35	8		
2	P1	0	0	0	0	10	4		
3	DD8	6	7	53	466	5	9		
TOTAL		22	29	197	1.610	50	21		
WEIGHT KG				197	1.610	50			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: P8 - CTK3 - DD8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vậ - HÙNG - DKHÁNH	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÂM	P8	39	1	7		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÚC	P8	37	1	6		62	PSV	Vietnamese
3	TRẦN THANH HOÀNG	P8	48	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN GIA KHÁNH	P8	49	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HẢI	P8	23	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUY MẠNH	P8	50	1	5	85	80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THANH	P8	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THĂNG	P8	41	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	64	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
10	LE HỒNG ĐẠI	P8	40	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
11	PHAN KIM CƯỜNG	P8	43	1	6		60	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	36	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	44-45	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THỌ TÂM	P8	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY ĐÔNG	P8	47	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	MOHD IRWANIZA BIN ABU BAKAR	CTK3	09-10	2	17	12	95	WOGC	Malaysian
17	PHAN VĂN TRINH	DD8	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG ĐẠI NGHĨA	DD8	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN BÌNH DAN	DD8	39	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
20	LE NGOC ANH	DD8	40	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
21	DUONG HUY HUNG	DD8	37	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH VĂN	DD8	35	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	15	16	91	1.018	85	11		
2	CTK3	1	2	17	95	12	0		
3	DD8	6	6	30	393	0	11		
TOTAL		22	24	138	1.506	97	22		
WEIGHT KG				138	1.506	97			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: P8 - TD1 - TTC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Luy -	ETA: 11:15
CAM-2		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TÂN	P8	68	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH VINH	P8	69	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THIÊN PHƯỚC	P8	67	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P8	74	1	7	5	67	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT TRƯỜNG	P8	65-66	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THUY HẢI	P8	70	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TŨE	P8	71	1	2		55	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	63	1	4		52	PSV	Vietnamese
9	PHẠM THANH LONG	P8	64	1	4		65	PSV	Vietnamese
10	HOANG VIỆT HÙNG	P8	72	1	5		72	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	73	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	TD1	97	1	8	90	82	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN THỰC	TD1	95	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
14	VÕ TUẤN ANH	TD1	98	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN MINH	TD1	93	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH VINH	TD1	96	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUYNH	TD1	94	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THỊNH	TTC3	12	1	5	15	65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐẠI THANH	TTC3	13	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG HIỆU	TTC3	09	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
21	TỖ TIẾN DUNG	TTC3	10	1	10	25	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SỰ	TTC3	98	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	11	12	62	733	5	10		
2	TD1	6	6	30	414	90	6		
3	TTC3	5	5	32	313	40	6		
TOTAL		22	23	124	1.460	135	22		
WEIGHT KG				124	1.460	135			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: VSP01 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hiếu - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV	VSP01	01-02	2	17		91	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V	VSP01	05-06	2	18		98	KH-THAC	Russian
3	VÔ VĂN SINH	VSP01	21	1	10	26	70	YTE	Vietnamese
4	PHẠM BA HIỀN	VSP01	12	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LIÊN	VSP01	13	1	5		85	D-HANH	Vietnamese
6	BUI QUANG NINH	VSP01	07	1	7	35	67	D-HANH	Vietnamese
7	NG. Đ. NGỌC NAM	VSP01	14	1	6		80	D-HANH	Vietnamese
8	VŨ NGUYỄN TRUNG	VSP01					47	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	03	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA BĂNG	VSP01	08	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
11	GURIN V.V	VSP01	04	1	5		91	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN NGỌC LAN	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN DUY BÌNH	VSP01	17	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	10	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	11	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TRỌNG KIM	VSP01	09	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH HOÀN	VSP01	15	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH VĂN THÓN	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	16	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI XUÂN DUY	TD5	96	1	14	60	65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	19	140	1.585	61	15		
2	TD5	1	1	14	65	60	7		
TOTAL		22	20	154	1.650	121	22		
WEIGHT KG				154	1.650	121			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: P6	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hieu - ĐANG	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THIN	P6	58	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN KHUONG	P6	69	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN XUAN QUANG	P6	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG	P6	56	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANG	P6	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO KIM SAM	P6	64	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH ĐO	P6	78	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
8	LAM VAN KHUONG	P6	62	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN TIEN	P6	59	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SANG	P6	65	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THUC PHUC	P6	60-61	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUY THONG	P6	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG LONG HAI	P6	79-80	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY HUNG	P6	67	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SONG TOAN	P6	82	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	DO CONG MINH	P6	77	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
17	BUI ĐỨC HẬU	P6	73	1	10	30	52	CODIEN	Vietnamese
18	TRAN QUOC DOANH	P6	70	1	5		76	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN VIET HOAI	P6	57	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYEN CANH HIEN	P6	71	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
21	BUI VAN QUOC	P6	72	1	2		57	GETRACO	Vietnamese
22	TRAN QUANG UY	P6	66	1	11		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	24	127	1.471	30	22		
	TOTAL	22	24	127	1.471	30	22		
	WEIGHT KG			127	1.471	30			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Sep-17	TO: AMD - TTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LHai - MTuán - Năm - HUY	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ XUÂN HÀ	AMD	84	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH VĂN PHA	AMD	83	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ MẠNH HÀ	AMD	82	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO VĂN BÁC	AMD	96	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	95	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	86-87	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	89	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN AN	AMD	88	1	9	130	67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	85	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH KIẾN	AMD	98	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO SY DUC	AMD	68	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TOÀN THẮNG	AMD	99,500	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HUAN	AMD	01	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH LÊ HUY	AMD	97	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VACLAV MINARIK	AMD	93	1	8		103	KH-THAC	Czech
16	ROY JOHANSEN	AMD	90-91	2	17		80	KH-THAC	Norway
17	KIEU VĂN TUẤN	AMD	81	1	5		74	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	80	1	3		58	PSV	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG TUYẾN	TTC1	96	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG THUY	TTC1					70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÔNG XUÂN PHÚ	TTC1	97	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	TTC1	98	1	4		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	21	162	1.264	130	14		
2	TTC1	4	3	14	273	0	8		
TOTAL		22	24	176	1.537	130	22		
WEIGHT KG				176	1.537	130			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2017	TO: VSP01 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Luy -	ETA: 13:15
CAM-3		TRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO ĐỨC KIEM	VSP01	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01	23	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN HUNG	VSP01	41	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN VIET ĐANG	VSP01	29-30	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HUY BINH	VSP01	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN XUAN THUY	VSP01					84	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA NGOC	VSP01	45	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH THANG	VSP01	43	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THUY	VSP01	42	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	49	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN TRUONG	VSP01	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	824	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH TIEN BINH	VSP01	828	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI KHAC HUY	VSP01	47	1	6	30	63	CODIEN	Vietnamese
15	PHAM MINH ĐỨC	VSP01	46	1	7	20	85	CODIEN	Vietnamese
16	BUI VAN HUY	VSP01	825	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
17	PHAM HUY ĐINH	VSP01	24-25,36	3	20		57	T-TIN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN MINH	VSP01	37	1	6		69	PSV	Vietnamese
19	LE VAN NGOC	VSP01	39	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	LE CAO HAI	VSP01	38	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	HA THE BINH	VSP01	22	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	VU VAN THUONG	VSP01	50	1	4		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	24	130	1.447	50	17		
2	GTC1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	24	130	1.447	50	22		
WEIGHT KG				130	1.447	50			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/09/2017

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		RP2+CTK3+JS2	7:25	1+1+20	0+0+0		0+2+20	0+0+0	

TPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2017	TO: RP2 - CTK3 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - HUNG - DKHANH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUC	RP2	64	1	10	42	75	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN NGOC BINH	CTK3				35	65	SAN BAY	Vietnamese
3	MARCUS HAUSNER	JS2	33-34	2	12		95	KHOAN	Canadian
4	OZGHIUR MENOSMAN	JS2	31-32	2	15		75	KHOAN	Rumanian
5	PT SHIBU	JS2	35-36	2	10	18	82	KHOAN	Indian
6	VO TA MAU	JS2	46	1	5	40	65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	JS2	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRONG	JS2	28	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC TU	JS2	38	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	DO DUC MANH	JS2	42	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM HUU BA	JS2	45	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC BAO TU	JS2	30	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	TA NGOC HA	JS2	41	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU THIEN	JS2	432	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN BON	JS2	29	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG QUOC VIET	JS2	51-52	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ANH DUC	JS2	37	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HUNG	JS2	49-50	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
19	BUI CAO HUY	JS2	48	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG MANH THUONG	JS2	47	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HOANG VU	JS2	39-40	2	17		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	1	10	75	42	0		1 NB VE TU CTK3
2	CTK3	1	0	0	65	35	2		
3	JS2	19	25	164	1.315	58	20		
TOTAL		21	26	174	1.455	135	22		
WEIGHT KG				174	1.455	135			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN